**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2023/DS-ST
Ngày: 14/9/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Tâm.**

2. Ông **Nguyễn Văn Cường.**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Hồng Duyên** - thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông*: Ông **Trịnh Thanh Dũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2023/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1951.
Địa chỉ: Số D, ấp D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Trần Quang V**, sinh năm 1984.(có mặt)
Địa chỉ: Số A, T, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
* *Bị đơn:* 1. Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1958.(vắng mặt)
2. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1957.(chết)
Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P:
+ Ông **Nguyễn Văn C,** sinh năm 1923.(chết)
+ Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1925.(chết)
+ Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1958.(vắng mặt)
+ Chị **Võ Thị Bạch T**, sinh năm 1980.(vắng mặt)
+ Anh **Võ Thanh L**, sinh năm 1987.(vắng mặt)
+ Chị **Võ Thị Tuyết S**, sinh năm 1982.(vắng mặt)
+ Anh **Võ Minh L1**, sinh năm 1985.(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện G, Tiền Giang.
3. Anh **Võ Minh L1**, sinh năm 1985.(vắng mặt)
4. Chị **Võ Thị Bạch T**, sinh năm 1980.(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện G, Tiền Giang.
*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Hữu Đ**, sinh năm 1969.(xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện G, Tiền Giang.
2. Anh **Võ Thanh L**, sinh năm 1987.(vắng mặt)
3. Chị **Võ Thị Tuyết S**, sinh năm 1982.(vắng mặt)
4. Chi **Võ Mai V1**, sinh năm 2018.(vắng mặt)
5. Chị **Mai Thị Ngọc H1**, sinh năm 1988.(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp D, xã G, huyện G, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B là anh Trần Quang V trình bày:*

Năm 2019, hộ gia đình ông Võ Văn H gồm: Ông H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T thống nhất chuyển nhượng cho ông B phần đất có diện tích khoảng 1.000 $m^2$, đất lúa tại ấp D, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc một phần thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2 (nay là thửa đất 613, tờ bản đồ số 24), với giá 900.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 24/4/2019, ông B nhờ ông Võ Hữu Đ giao cho ông H và bà P tiền cọc là 100.000.000 đồng, giao dịch có lập "*Giấy nhận tiền cọc bán đất*" ông H và bà P ký tên xác nhận.

Ngày 12/5/2019, ông B giao số tiền là 700.000.000 đồng cho ông H, bà P, anh L1 và chị T có lập giấy tay nhận tiền cọc. Ông H, bà P, anh L1 và chị T ký tên vào giấy tay.

Ngày 19/01/2020, ông giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông H và bà P, có lập giấy tay nhận tiền cọc, ông H và bà P cam kết sau khi cấp đổi lại sổ đỏ sẽ lập thủ tục chuyển nhượng cho ông B, không đòi hỏi thêm khoản tiền nào và ký tên vào giấy tay. Đồng thời, sau khi nhận đủ số tiền chuyển nhượng, phía hộ ông H đã giao đất cho ông B sử dụng, ông B đã san lấp đất ruộng thành đất nền. Ngoài ra, vào ngày 19/01/2020 và ngày 19/4/2020 ông H ký tên vào "*Giấy bán đất*" và "*Giấy nhận tiền bán đất*", xác nhận ông H đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng phần đất là 900.000.000 đồng vào ngày 19/01/2020 và sẽ tiến hành thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho ông B.

Tuy nhiên, sau khi ông H được cấp lại sổ đỏ thì phần đất chuyển nhượng cho ông B tăng hơn diện tích ban đầu là 85,2$m^2$ nên ông H yêu cầu ông B phải giao thêm số tiền 75.000.000 đồng nên ngày 13/6/2022 ông B đã giao cho ông H số tiền 75.000.000 đồng, ông H đã viết và ký tên xác nhận vào giấy tay hẹn sẽ sang tên thửa đất cho ông B và ông H đã giao cho ông bản chính sổ đỏ của thửa đất 613 để làm thủ tục chuyển nhượng nhưng sau đó ông B đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông H ra công chứng sang tên cho ông B thì ông H đều trốn tránh.

Đến ngày 14/01/2023, ông B đến gặp ông H thì ông H xin thêm số tiền 15.000.000 đồng để lo cho bà P bị bệnh. Ông H đã viết và ký tên vào giấy tay hẹn Ông B ngày 28/12/2022 (Âm lịch) sẽ đi công chứng hợp đồng chuyển nhượng nhưng ông H cũng không thực hiện.

Vì lý do trên, ông Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2 (nay là thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24), diện tích: 1.085,2$m^2$ đất chuyên trồng lúa nước giữa Nguyễn Văn B với ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T có hiệu lực pháp luật;

Công nhận thửa đất số thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2 (nay là thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24), diện tích: 1085,2$m^2$ đất chuyên trồng lúa nước thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn B (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05458 ngày 18/02/2021 do Sở Tài Nguyên

và Môi trường tỉnh T cấp cho hộ Võ Văn H); đất tại ấp D, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Thời gian thực hiện, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu Đ xin vắng mặt tại bản tự khai, ông Đ trình bày

Ông là bạn của ông Nguyễn Văn B nên ông B có nhờ ông Đ giao tiền cọc dùm với hộ ông Võ Văn H.

Ngày 24/4/2019, hộ gia đình ông H gồm có ông H, bà P, anh L1 và chị T thống nhất sang nhượng cho ông Nguyễn Văn B phần diện tích 1.000m$^2$, đất trồng lúa nước, thửa 613, tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05458 ngày 18/02/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho hộ Võ Văn H, đất tọa lạc tại ấp D, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang, với giá chuyển nhượng là 900.000.000 đồng.

Cùng ngày 24/4/2019, ông Đ giao tiền cọc là 100.000.000 đồng cho hộ gia đình ông H và hộ ông H đã nhận đủ tiền cọc. Hai bên có làm giấy về việc nhận tiền cọc bán đất và người giao tiền là ông Võ Văn Đ1 ký tên bên mục người mua. Giấy tiền cọc ngày 24/4/2019, ông H, bà P, anh L1, chị T ký nhận của ông Đ1 tiền cọc là 100.000.000 đồng. Ông Võ Văn Đ1 khẳng định tiền cọc mà ông giao cho hộ ông H là của ông Nguyễn Văn B nhờ ông Đ1 giao tiền cọc dùm.

* Bị đơn ông Võ Văn H, anh Võ Minh L1, chị Võ Thị Bạch T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B.

***** Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P là ông Võ Văn H, chị Võ Thị Bạch T, anh Võ Thanh L, chị Võ Thị Tuyết S, anh Võ Minh L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh L, chị Võ Thị Tuyết S, chị Võ Mai V1, chị Mai Thị Ngọc H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P và người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng không có bản tự khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án:

- Áp dụng Điều 129 và Điều 500 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2 (nay là thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24), diện tích: 1.085,2m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước giữa Nguyễn Văn B với ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T, đất tọa lạc tại ấp D, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn B và ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Võ Văn H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P là ông Võ Văn H, chị Võ Thị Bạch T, anh Võ Thanh L, chị Võ Thị Tuyết S, anh Võ Minh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu Đ, anh Võ Thanh L, chị Võ Thị Tuyết S, chị Võ Mai V1, chị Mai Thị Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, anh Trần Quang V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2 (nay là thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24), diện tích: 1.085,2m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước giữa Nguyễn Văn B với ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T.

[3.1] Nhận thấy, nguồn gốc thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24, diện tích: 1085,2m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước thuộc quyền sử dụng của hộ ông Võ Văn H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05458 ngày 18/02/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho hộ Võ Văn H được tách ra từ thửa đất số 728, tờ bản đồ GTC2, diện tích: 2156,0m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00216/A4.QSDĐ ngày 30/5/2002 do UBND huyện G cấp cho hộ Võ Văn H. Tại công văn số 386/CAH-QLHC ngày 31/7/2023 của Công an huyện G xác nhận vào thời điểm 30/5/2002 các thành viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị P, Võ Thị Bạch T, Võ Thanh L, Võ Văn H, Võ Thị Tuyết S và Võ Minh L1 và thời điểm 18/02/2023 các thành viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị P, Võ Thanh L, Võ Văn H, Võ Thị Tuyết S, Võ Mai V1 và Mai Thị Ngọc H1.

[3.2] Ngày 24/4/2019, ông Nguyễn Văn B có nhờ ông Võ Văn Đ1 đặt cọc số tiền là 100.000.000 đồng cho hộ gia đình ông H (gồm có ông H, bà P, anh L1 và chị T) thống nhất sang nhượng cho ông Nguyễn Văn B phần diện tích 1.000m$^2$, đất trồng lúa nước, thuộc một phần của thửa đất số 728, tờ bản đồ GTC2, diện tích: 2156,0m$^2$, đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00216/A4.QSDĐ ngày 30/5/2002 do UBND huyện G cấp cho hộ Võ Văn H, đất tọa lạc tại ấp D, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang, với giá chuyển nhượng là 900.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tay về việc nhận tiền cọc bán đất và người giao tiền là ông Võ Văn Đ1 ký tên bên mục người mua và ông H, bà P ký tên và nhận đủ của ông Đ1 tiền cọc là 100.000.000 đồng. Ngày 12/5/2019, hộ gia đình ông H gồm ông H, bà P, anh L1, chị T nhận thêm 700.000.000 đồng và có ký nhận vào giấy nhận tiền. Đến ngày 19/01/2020 ông H và bà P nhận thêm 100.000.000 đồng và có ký nhận vào giấy nhận tiền. Cùng ngày 19/01/2020, giữa ông Nguyễn Văn B và ông Võ Văn H có lập giấy bán đất và ông H và ông B có ký tên vào giấy bán đất. Ngoài ra ông Nguyễn Văn B còn giao thêm số tiền 75.000.000 đồng do diện tích tăng thêm so với diện tích đã thỏa thuận là 85,2m$^2$ vào ngày 13/6/2022 và vào ngày 14/01/2023 ông H nhận thêm 15.000.000 đồng. Hộ gia đình ông H đã giao cho ông Nguyễn Văn B quản lý, sử dụng thửa đất này từ ngày 19/01/2020 và ông B đã san lấp đất ruộng thành đất nền.

[3.3] Vào các thời điểm giao tiền, có những lúc ông H, bà P ký nhận nhận tiền, có những lúc ông H, bà P, anh L1, chị T ký nhận nhận tiền của ông Nguyễn Văn B và căn cứ vào những giấy nhận tiền đã ký kết cho thấy rằng mặc dù các thời điểm khác có những thành viên trong hộ gia đình ông H ký tên và nhận tiền khác nhau nhưng các thành viên còn lại trong hộ gia đình ông H đều biết việc chuyển nhượng một phần thửa đất số 728, tờ bản đồ GTC2, nay là

thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24 giữa hộ gia đình ông H với ông Nguyễn Văn B và hộ gia đình ông H đã nhận đủ tiền chuyển nhượng. Các bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trong giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đồng thời ông Nguyễn Văn H2 cam kết các thành viên trong hộ gia đình ông H2 sẽ thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B, không chuyển nhượng cho ai.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ1 trình bày ông B có nhờ ông Đ1 giao tiền cọc dùm với hộ ông Võ Văn H vào ngày 24/4/2019 là 100.000.00 đồng để sang nhượng cho ông Nguyễn Văn B một phần diện tích 1.000m$^2$, đất trồng lúa nước, thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00216/A4.QSDĐ ngày 30/5/2002 do UBND huyện G cấp cho hộ Võ Văn H, đất tọa lạc tại ấp D, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang, với giá chuyển nhượng là 900.000.000 đồng. Ông Võ Văn Đ1 khẳng định tiền cọc mà ông giao cho hộ ông H là của ông Nguyễn Văn B nhờ ông Đ1 giao tiền cọc dùm.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định giữa ông Nguyễn Văn B và hộ gia đình ông Võ Văn H có thỏa thuận chuyển nhượng đối với thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24, diện tích: 1085,2m$^2$, tuy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B và hộ gia đình ông H vi phạm về hình thức nhưng ông B đã thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng và hộ gia đình ông H đã giao cho ông B quản lý, sử dụng từ ngày 19/01/2020 cho đến nay. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2 (nay là thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24), diện tích: 1.085,2m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước giữa Nguyễn Văn B với ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T.

[6] Bị đơn, người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu hộ gia đình ông Võ Văn H trả số tiền 6.798.000 đồng là tiền tạm ứng các chi phí trên. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hộ gia đình ông Võ Văn H trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 6.798.000 đồng.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B được chấp nhận nên ông B không phải chịu án phí. ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó không phải hoàn tạm ứng án phí cho ông B. Hộ gia đình ông Võ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 129, Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26, Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn B với ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị P, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T đối với thửa đất 728, tờ bản đồ GTC2 (nay là thửa đất số 613, tờ bản đồ số 24), diện tích: 1.085,2m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05458 ngày 18/02/2021 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho hộ Võ Văn H, đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp đất ông Võ Văn H.

+ Phía Tây giáp đường liên ấp 4-5-6.Nhựa.

+ Phía Nam giáp đất ông Võ Văn H và đất UBND xã G.

+ Phía Bắc giáp đường đất.

(Có sơ đồ kèm theo).

Khi án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn B có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Văn H, Võ Minh L1, Võ Thị Bạch T, Võ Thanh L và Võ Thị Tuyết S liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 6.798.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn H, Võ Minh L1, Võ Thị Bạch T, Võ Thanh L và Võ Thị Tuyết S liên đới phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Quang V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bị đơn Võ Văn H, anh Võ Minh L1 và chị Võ Thị Bạch T, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P là ông Võ Văn H, chị Võ Thị Bạch T, anh Võ Thanh L, chị Võ Thị Tuyết S, anh Võ Minh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu Đ, anh Võ Thanh L, chị Võ Thị Tuyết S, chị Võ Mai V1, chị Mai Thị Ngọc H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự**.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Quốc An**

*Nơi nhận:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.